

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH

HỒ SƠ MẪU



**AN TOÀN THỰC PHẨM
(THỰC PHẨM CHẾ BIẾN)**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nhon Trạch, ngày... ..tháng... ..năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

Kính gửi: Phòng Kinh tế huyện Nhơn Trạch

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh: TRƯỜNG PHÁT
2. Mã số (nếu có): /
3. Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh: ấp Vĩnh Tuy, xã Long Tân, huyện
..... Nhơn Trạch
4. Điện thoại: 0919.123456 Fax /
- Email: /
5. Giấy đăng ký kinh doanh : 4718002930 Ngày cấp: 01/6/2017
- Đơn vị cấp: Phòng Tài chính - Kế hoạch
6. Mặt hàng sản xuất, kinh doanh: chế biến hạt sen

Đề nghị Phòng Kinh tế huyện Nhơn Trạch cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở.

Hồ sơ gửi kèm:

- Bản thuyết minh cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện ATTP;
- Bản sao Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm còn hiệu lực;
- Bản sao Giấy khám sức khỏe để sản xuất thực phẩm;
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Đại diện cơ sở

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Lê
Nguyễn Thị Bích Lê

UBND HUYỆN NHƠN TRẠCH
PHÒNG TÀI CHÍNH-KẾ HOẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
HỘ KINH DOANH**

Số: 47I8002930

- Đăng ký lần đầu, ngày 27 tháng 2 năm 2006.

- Đăng ký thay đổi lần 2, ngày 1 tháng 6 năm 2017.

1. Tên hiệu kinh doanh: **TRƯỜNG PHÁT**
2. Địa điểm kinh doanh: **Ấp Vĩnh Tuy, xã Long Tân, Nhơn Trạch**

Điện thoại:
Email:

Fax:
Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh:

Bán đồ điện gia dụng, điện công nghiệp, thiết bị ngành cơ khí, ống nước, chế biến hạt sen

4. Vốn kinh doanh: **50.000.000,00 đồng** (Năm mươi triệu đồng)

5. Họ tên cá nhân, hoặc tên đại diện hộ gia đình:

NGUYỄN THỊ BÍCH LỆ

Nữ

Sinh ngày: **15/03/1980**

Dân tộc: **Kinh**

Chứng minh nhân dân số: **271368187**

Ngày cấp: **01/07/2014**

Nơi cấp: **CA Đồng Nai**

Nơi đăng ký thường trú: **Ấp Vĩnh Tuy, xã Long Tân, Nhơn Trạch**

Chỗ ở hiện tại: **Ấp Vĩnh Tuy, xã Long Tân, Nhơn Trạch**

Chữ ký của cá nhân hoặc đại diện hộ gia đình:

TRƯỞNG PHÒNG

Ghi chú: Khi hoạt động kinh doanh, cơ sở phải đảm bảo địa điểm phù hợp quy hoạch và đủ các điều kiện kinh doanh theo quy định.



Geo Văn Thành

**GIẤY XÁC NHẬN KIẾN THỨC
VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM**

Số: 28 /2017 /XNTH-PKT

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Công thương và nội dung, tài liệu kiến thức an toàn vệ sinh thực phẩm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

PHÒNG KINH TẾ HUYỆN NHƠN TRẠCH
Xác nhận:

Ông/bà: Nguyễn Thị Bích Lệ

Địa chỉ: Ấp Vĩnh Tuy, xã Long Tân, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

CMTND số: 271368187 , cấp ngày: 01/07/2014

Nơi cấp: Công an tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: 0919319717 Fax:

Có kiến thức cơ bản về an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành.

Giấy này có giá trị hết ngày 21 tháng 06 năm 2020

Nhơn Trạch, ngày 21 tháng 06 năm 2017

TRƯỞNG PHÒNG



Bùi Phước Đức

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nhơn Trạch, ngày.....tháng.....năm ...

BẢN THUYẾT MINH

Cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện an toàn thực phẩm

I- THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh: TRƯỜNG PHÁT
2. Mã số (nếu có):/.....
3. Địa chỉ: Ấp Vĩnh Tuy, xã Long Tân - huyện Nhơn Trạch - tỉnh Đồng Nai
4. Điện thoại: 0919.123456. Fax:/..... Email:/.....
5. Loại hình sản xuất, kinh doanh
- | | | | |
|------------------------------|--------------------------|------------------------|-------------------------------------|
| DN nhà nước | ☐ | DN 100% vốn nước ngoài | ☐ |
| DN liên doanh với nước ngoài | ☐ | DN Cổ phần | ☐ |
| DN tư nhân | ☐ | Khác | ☒ |
- (ghi rõ loại hình)
6. Năm bắt đầu hoạt động: 2012
7. Số đăng ký, ngày cấp, cơ quan cấp đăng ký kinh doanh: 471.8002930
8. Công suất thiết kế: 200 Kg / ngày
9. Sản lượng sản xuất, kinh doanh (thống kê 3 năm trở lại đây):
10. Thị trường tiêu thụ chính: Bình Dương, TP. HCM, Đồng Nai, Hà Nội...

II. MÔ TẢ VỀ SẢN PHẨM

TT	Tên sản phẩm sản xuất, kinh doanh	Nguyên liệu/ sản phẩm chính đưa vào sản xuất, kinh doanh		Cách thức đóng gói và thông tin ghi trên bao bì
		Tên nguyên liệu/ sản phẩm	Nguồn gốc/ xuất xứ	
<u>01</u>	<u>Bột sen</u>	<u>hạt sen</u>	<u>huyện Nhơn Trạch</u>	<u>đóng hộp</u>
<u>02</u>	<u>Sen rang bỏ</u>	<u>hạt sen</u>	<u>huyện Nhơn Trạch</u>	<u>hút chân không</u>
<u>03</u>	<u>Sen sấy khô</u>	<u>hạt sen</u>	<u>huyện Nhơn Trạch</u>	<u>hút chân không</u>

III. TÓM TẮT HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH

1. Nhà xưởng, trang thiết bị
- Tổng diện tích các khu vực sản xuất, kinh doanh... 150... m², trong đó:

- + Khu vực tiếp nhận nguyên liệu/ sản phẩm :20..... m²
 + Khu vực sản xuất, kinh doanh :50..... m²
 + Khu vực đóng gói thành phẩm :20..... m²
 + Khu vực / kho bảo quản thành phẩm:20..... m²
 + Khu vực sản xuất, kinh doanh khác :40..... m²
 - Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất, kinh doanh:

2. Trang thiết bị chính:

Tên thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Tổng công suất	Năm bắt đầu sử dụng
Máy xay	2	Đài Loan	100kg/h	201
Lò sấy	1	VN	200kg	2015

3. Hệ thống phụ trợ

- Nguồn nước đang sử dụng:

Nước máy công cộng ☐

Nước giếng khoan ☒

Hệ thống xử lý: Có ☐

Không ☐

Phương pháp xử lý:

- Nguồn nước đã sử dụng (nếu có sử dụng):

Tự sản xuất ☐

Mua ngoài ☐

Phương pháp kiểm soát chất lượng nước đá:

4. Hệ thống xử lý chất thải

Cách thức thu gom, vận chuyển, xử lý:

chất thải đựng trong thùng kín và chuyển đi trong ngày.....

5. Người sản xuất, kinh doanh :

- Tổng số:2..... người, trong đó:

+ Lao động trực tiếp:1..... người.

+ Lao động gián tiếp:1..... người.

- Kiểm tra sức khỏe người trực tiếp sản xuất, kinh doanh: 1

- Tập huấn kiến thức về ATTP: 1

6. Vệ sinh nhà xưởng, trang thiết bị...

- Tần suất làm vệ sinh:

- Nhân công làm vệ sinh: ...1... người; trong đó ...1... của cơ sở và đi thuê ngoài.

7. Danh mục các loại hóa chất, phụ gia/chất bổ sung, chất tẩy rửa-khử trùng sử dụng:

Tên hóa chất	Thành phần chính	Nước sản xuất	Mục đích sử dụng	Nồng độ
/	/	/	/	/

8. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng (HACCP, ISO,....)

9. Phòng kiểm nghiệm /

- Của cơ sở ☐

Các chỉ tiêu PKN của cơ sở có thể phân tích:

.....

- Thuê ngoài ☐

Tên những PKN gửi phân tích:

.....

10. Những thông tin khác

Chúng tôi cam kết các thông tin nêu trên là đúng sự thật./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

Lê

Nguyễn Thị Bích Lê

Trang 01/02

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

S - 02118BMT7

20/06/2017

Trang 02/02

Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Mức giới hạn tối đa cho phép theo QCVN 1:2009 /BYT	Giới hạn phát hiện	Kết quả thử nghiệm
I. Chỉ tiêu cảm quan và thành phần vô cơ				
7.1. Độ màu, Pt. Co	TCVN 6185 : 2008	15	10	KPH
7.2. Mùi ở 20 °C, 60 °C	Cảm quan	Không có mùi lạ	-	Không có mùi lạ
7.3. Độ đục, NTU	SMEWW ^(*) 2012 (2130 B)	2,0	0,5	KPH
7.4. Độ pH ở 25 °C,	TCVN 6492 : 2011	6,5 – 8,5	-	5,1
7.5. Độ cứng toàn phần quy về CaCO ₃ , mg/L	SMEWW ^(*) 2012 (2340 C)	300	1,6	Nhỏ hơn 5,5
7.6. Hàm lượng clorua (Cl ⁻), mg/L	SMEWW ^(*) 2012 (4110 B)	250	0,5	Nhỏ hơn 1,5
7.7. Hàm lượng sắt (Fe), mg/L	EPA 200.8	0,3	0,02	KPH
7.8. Hàm lượng mangan (Mn), mg/L	EPA 200.8	0,3	0,02	KPH
7.9. Hàm lượng nitrat (NO ₃ ⁻), mg/L	SMEWW ^(*) 2012 (4110 B)	50	-	1,5
7.10. Hàm lượng nitrit (NO ₂ ⁻), mg/L	SMEWW ^(*) 2012 (4110 B)	3,0	0,02	KPH
7.11. Hàm lượng sunphat (SO ₄ ²⁻), mg/L	SMEWW ^(*) 2012 (4110 B)	250	0,5	KPH
7.12. Chỉ số permanganate quy về O ₂ , mg/L	TCVN 6186 : 1996	2,0	1,0	KPH
IV. Hóa chất khử trùng và sản phẩm phụ				
7.13. Hàm lượng clo dư (Cl ₂), mg/L	HACH Method 8167	0,3 – 0,5	0,02	KPH
VI. Vi Sinh Vật				
7.14. Tổng số coliform, CFU/100 mL	SMEWW ^(*) 2012 (9222 B)	0	-	1,6 x 10 ²
7.15. Escherichia coli, CFU/100 mL	SMEWW ^(*) 2012 (9222 G)	0	-	Nhỏ hơn 1 ^(**)

Ghi chú: KPH : Không phát hiện

SMEWW^(*): Standard Methods for the Examination of Water and Waste water.

(**): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra.

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3



Hà Nội: 04-63 3829 4174 Fax: 04-63 3829 3812 www.quatest3.com.vn
Đà Nẵng: 0511 352 6212 Fax: 0511 352 6298 qt@quatest3.com.vn
Huế: 054 382 9417 Fax: 054 382 9312



SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH
KHOA XÉT NGHIỆM

ĐỊA CHỈ: KHU PHƯỚC HẢI – THỊ TRẤN LONG THÀNH – ĐỒNG NAI.
ĐT: (061) 3527751

MS: VS7-25

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM VI SINH NƯỚC

1. Tên Đơn vị / Cá nhân : Cơ sở Trường Phát.
2. Địa chỉ : Ấp Vĩnh Tuy, Long Tân, Nhơn Trạch.
3. Địa điểm lấy mẫu : Khu vực sơ chế chế biến.
4. Loại mẫu : Nước giếng khoan.
5. Yêu cầu kiểm nghiệm : CÁC CHỈ TIÊU VI SINH.
6. Ngày nhận mẫu : 28/07/2017.
7. Ngày kiểm nghiệm : 28/07/2017.
8. Lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày ban hành kết quả.

STT	TÊN CHỈ TIÊU	PHƯƠNG PHÁP THỬ	ĐƠN VỊ TÍNH	THEO TIÊU CHUẨN	MỨC CHO PHÉP	KẾT QUẢ
1	Coliforms tổng cộng	TCVN 6187 – 1,2: 1996	VK/100ml	QCVN 01: 2009/BYT	0	KPH
2	E. Coli	TCVN 6187 – 1,2: 1996	VK/100ml	QCVN 01: 2009/BYT	0	KPH

KPH : không phát hiện.

NHẬN XÉT: Mẫu nước có các chỉ tiêu vi sinh Đạt giới hạn cho phép QCVN 01: 2009/BYT.

❖ Kết quả phân tích trên chỉ có giá trị đối với mẫu gửi kiểm nghiệm.

KHOA XÉT NGHIỆM

TS. Lê Văn Trại

Long Thành, Ngày 08 tháng 08 năm 2017.



BS. CKII. Nguyễn Chi Văn Văn



SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LONG THÀNH
KHOA XÉT NGHIỆM
ĐỊA CHỈ: KHU PHƯỚC HẢI – THỊ TRẤN LONG THÀNH – ĐỒNG NAI.
ĐT: (061) 3527751

MS: LH7-29

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM LÝ HÓA NƯỚC

1. Tên Đơn vị / Cá nhân : **Cơ sở Trường Phát.**
2. Địa chỉ : Long Tân - Nhơn Trạch - Đồng Nai.
3. Địa điểm lấy mẫu : Khu vực sản xuất.
4. Loại mẫu : Nước máy.
5. Số lượng mẫu : 500 ml.
6. Yêu cầu kiểm nghiệm : Lý hóa.
7. Ngày nhận mẫu : 28/7/2017.
8. Ngày kiểm nghiệm : 28/7/2017.
9. Lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

STT	TÊN CHỈ TIÊU	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	TIÊU CHUẨN CHO PHÉP QCVN 01:2009/BYT	KẾT QUẢ
01	pH (ở 25 ⁰ c)	TCVN 4559-88	6,5– 8,5	7.2

NHẬN XÉT: Mẫu nước đạt yêu cầu pH theo QCVN 01: 2009/BYT.

❖ Kết quả phân tích trên chỉ có giá trị đối với mẫu gửi kiểm nghiệm.

KHOA XÉT NGHIỆM

Long Thành, ngày 7 tháng 8 năm 2017.

GIÁM ĐỐC



KS. Lê Văn Trị

BS. CKII. Nguyễn Chi Văn Văn

Phụ lục 3

MẪU SỐ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

(Kèm theo Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI
BỆNH VIỆN ĐK HUYỆN NHƠN TRẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 359 /

SỐ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ



1- Họ và tên (chữ in hoa) : NGUYỄN THỊ BÌNH LÊ

2- Giới : Nam ☐ Nữ ☒ Tuổi : 49 / 80

3- CMND hoặc Hộ chiếu: cấp ngày
tại :

4- Hộ khẩu thường trú:

5- Chỗ ở hiện tại :

6. Nghề nghiệp: TRẠCH

7. Nơi công tác, học tập:

8. Ngày bắt đầu vào học/làm việc tại đơn vị hiện nay: / /

9. Nghề, công việc trước đây (liệt kê các công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):

a)

thời gian làm việc năm tháng từ ngày / / đến / /

b)

thời gian làm việc năm tháng từ ngày / / đến / /

10. Tiền sử bệnh, tật của gia đình :

11. Tiền sử bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	

..... ngày tháng ... năm

Người lao động xác nhận
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Người lập sổ KSK định kỳ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

I. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao:1.52.....cm: Cân nặng:44..... kg: Chỉ số BMI:
 Mạch:74.....lần/phút: Huyết áp:110/70..... mmHg
 Phân loại thể lực:II.....

II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1. Nội khoa	
a) Tuần hoàn:	
Phân loại	
b) Hô hấp:	
Phân loại	
c) Tiêu hóa:	
Phân loại	
d) Thận-Tiết niệu:	
Phân loại	
đ) Nội tiết:	
Phân loại	
e) Cơ-xương-khớp:	
Phân loại	
g) Thần kinh:	
Phân loại	
h) Tâm thần:	
Phân loại	
2. Mắt:	
- Kết quả khám thị lực:	
Không kính: Mắt phải:10/40..... Mắt trái:10/40.....	
Có kính: Mắt phải: Mắt trái:	
- Các bệnh về mắt (nếu có):	
- Phân loại:	
	BS. CKI Vũ Mạnh Hùng

Bs. Nguyễn Trung Hiếu

BS. Cao Minh Hiên

- Phân loại:

III. KHÁM CÂN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
Xét nghiệm huyết học/ sinh hóa/ Xquang và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ : a) Kết quả : Bóng Tim: Không To Nhau Màng Phôi: Trong Giới Hạn Bình Thường. b) Đánh giá: <i>gần 5.08 mm</i> <i>Lần Hết Chửa sớm thấy ký bình thường</i> AM TÍNH AM TÍNH	<i>[Signature]</i> BS. CKI <i>Phạm Thị Kim Chi</i> <i>[Signature]</i> KT. <i>Phạm Thị Kim Chi</i>

IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe :

2. Các bệnh, tật (nếu có) :

ngày 12 tháng 06 năm 2018

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)



PHÓ GIÁM ĐỐC

BS CKI. Đinh Thị Kim Ngân